

Bản án số: 71/2021/HSST

Ngày: 05 - 4 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TỈNH ĐIỆN BIÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhung;

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Lan và bà Lò Thị Dĩnh;

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi M Thắng, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên;

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Thuận, là Kiểm sát viên;

Ngày 05 tháng 4 năm 2021 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 70/2021/HSST ngày 05 tháng 3 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2021/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 3 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo Đặng ĐT; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày: 01/8/1989 tại Điện Biên; nơi cư trú: Tổ 05, phường H, thành phố Đ, tỉnh Đ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm việc tại ban B tỉnh Đ (*hiện đã nghỉ việc*); trình độ văn hóa: 12/12; con ông: Đặng Văn Th và con bà Phạm Thị S; vợ: Nguyễn Như Q; con: Có 01 con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có gì đặc biệt; bị tạm giữ từ ngày 27/9/2020 đến ngày 06/10/2020, sau đó bị cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; có mặt.

2. Bị cáo Đinh Văn T; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày: 10/2/1987 tại Nam Định; nơi cư trú: Tổ 02, phường H, thành phố Đ, tỉnh Đ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 9/12; con ông: Đinh Văn C và con bà Đinh Thị M; vợ: Vương Thùy L; con: có 01 con, sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có gì đặc biệt; bị tạm giữ từ ngày 27/9/2020 đến ngày 06/10/2020, sau đó bị cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; có mặt.

3. Bị cáo Lê Ngọc Th; tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; sinh ngày: 22/8/1986 tại Điện Biên; nơi cư trú: Thôn 13, xã T, huyện Đ, tỉnh Đ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 8/12; con ông: Lê Ngọc P (*đã chết*) và con bà Bùi Thị H; vợ: Lương Thị P; con: Có 03 con (*lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2016*); tiền án, tiền sự: Không; nhân

thân: Không có gì đặc biệt; bị tạm giữ từ ngày 27/9/2020 đến ngày 06/10/2020, sau đó bị cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; có mặt.

4. Bị cáo Nguyễn Văn V; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày: 16/8/1989 tại Điện Biên; nơi cư trú: Đội 11, xã T, huyện Đ, tỉnh Đ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 12/12; con ông: Nguyễn Văn Ch và con bà Nguyễn Thị H; vợ: Trần Thị H; con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: 01 tiền sự về hành vi xâm phạm đến sức khỏe người khác (*quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 55/QĐ-XPHC ngày 30/9/2019 của Công an thành phố Điện Biên Phủ*); nhân thân: Một lần bị xử phạt hành chính vì vi phạm quy định về phòng, chống tệ nạn xã hội đã hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính; bị tạm giữ từ ngày 27/9/2020 đến ngày 06/10/2020, sau đó bị cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; có mặt.

5. Bị cáo Nguyễn HT; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày: 05/10/1973 tại Điện Biên; nơi cư trú: Tổ 4, phường Th, thành phố Đ, tỉnh Đ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 10/12; con ông: Nguyễn Hữu Đ và bà Phạm Thị H; vợ: Chu Thị Th; con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bị cáo đã nhiều lần bị kết án về tội phạm ma túy, xâm phạm tài sản người khác và trật tự an T xã hội, nhưng đã được xóa án tích, nhiều lần bị xử phạt vi phạm hành chính vì vi phạm quy định về gây thiệt hại đến tài sản, sức khỏe người khác, đã hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính; bị tạm giữ từ ngày 27/9/2020 đến ngày 06/10/2020, sau đó bị cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; có mặt.

6. Bị cáo Phạm Ta D; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày: 17/10/1988 tại Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn B, xã A, huyện V, tỉnh V (*tạm trú tại số nhà 211, tổ dân phố 02, phường Th, thành phố Đ*); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 12/12; con ông: Phạm Ta Đ và bà Lê Thị L; vợ: Bùi Thị H; con: Có 01 con sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có gì đặc biệt; bị tạm giữ từ ngày 27/9/2020, đến ngày 06/10/2020 bị tạm giam, ngày 15/10/2020 được bảo lãnh cho đến nay; có mặt.

7. Bị cáo Phạm Hữu C; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày: 04/12/1978 tại Điện Biên; nơi cư trú: Tổ 03, phường M, thành phố Đ, tỉnh Đ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 02/12; con ông: Phạm Hữu B (*đã chết*) và bà Nguyễn Thị G; vợ: Vi Thị L (*đã ly hôn*); con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Một lần bị kết án về tội phạm xâm phạm trật tự công cộng, đã được xóa án tích, một lần bị xử phạt hành chính vì vi phạm quy định về phòng, chống tệ nạn xã hội đã hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính; bị tạm giữ từ ngày 27/9/2020 đến ngày 06/10/2020, sau đó bị cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; có mặt.

8. Bị cáo Lại Văn Ta; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày: 20/3/1976 tại Hưng Yên; nơi cư trú: Tổ 09, phường M, thành phố Đ, tỉnh Đ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn

hóa: 03/12; con ông: Lại Văn H (đã chết) và bà Lê Thị V; vợ: Lâm Thị A; con: Có 02 con (*lớn sinh năm 1997, nhỏ sinh năm 2007*); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Một lần bị xử phạt hành chính vì vi phạm quy định về gây thiệt hại đến sức khỏe người khác, đã hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính; bị tạm giữ từ ngày 27/9/2020 đến ngày 06/10/2020, sau đó bị cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; có mặt.

9. Bị cáo Nguyễn Văn S; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày: 14/10/1961 tại Hà Nam; nơi cư trú: Tổ 10, phường N, thành phố Đ, tỉnh Đ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 10/10; con ông: Nguyễn Văn H và bà Đỗ Thị L; vợ: Đào Thị Lan P; con: Có 02 con (*lớn sinh năm 1990, nhỏ sinh năm 1996*); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Một lần bị xử phạt hành chính vì vi phạm quy định về phòng, chống tệ nạn xã hội, đã hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính; bị tạm giữ từ ngày 27/9/2020 đến ngày 06/10/2020, sau đó bị cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; có mặt.

10. Bị cáo Đàm Quang M; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày: 28/8/1986 tại Điện Biên; nơi cư trú: Tổ 12, phường M, thành phố Đ, tỉnh Đ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 12/12; con ông: Đàm Quang D và bà Phạm Kim T; vợ: Hoàng Thị Th; con: Có 02 con (*lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2015*); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có gì đặc biệt; bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28/01/2021 cho đến nay; có mặt.

11. Bị cáo Trịnh Quốc Tb; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; sinh ngày: 02/8/1980 tại Thái Bình; nơi cư trú: Tổ 01, phường Th, thành phố Đ, tỉnh Đ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 12/12; con ông: Trịnh Xuân T và bà Vũ Thị T; vợ: Trịnh Thị Bích H; con: có 03 con (*lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2019*); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Một lần bị kết án về tội xâm phạm sức khỏe người khác, đã được xóa án tích, một lần bị xử phạt hành chính vì vi phạm quy định về gây thiệt hại đến sức khỏe người khác, đã hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính; bị tạm giam từ ngày 29/01/2021, đến ngày 04/02/2021 được bảo lãnh cho đến nay; có mặt.

12. Bị cáo Bùi Duy K; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày: 23/2/1983 tại Hà Nội; nơi cư trú: Số nhà 40, tổ 02, phường Th, thành phố Đ, tỉnh Đ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 12/12; con ông: Bùi Duy Kh (*đã chết*) và bà Nguyễn Thị C; vợ: Lò Thị N; con: Có 03 con (*lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2018*); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Một lần kết án về tội phạm xâm phạm trật tự công cộng, đã được xóa án tích, một lần bị xử phạt hành chính vì vi phạm các quy định về quản lý kinh tế, đã hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính; bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/10/2020 cho đến nay; có mặt.

13. Bị cáo Nông Trọng H; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày: 10/3/1990 tại Điện Biên; nơi cư trú: Bản H, phường H, thành phố Đ, tỉnh Đ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Nùng; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn

bó: 9/12; con ông: Nông Văn H và bà Lò Thị Th; vợ: Lò Thị O (*đã ly hôn*); con: Có 01 con sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có gì đặc biệt; bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/10/2020 cho đến nay; có mặt.

Người làm chứng:

- Ông Trần Ngọc Đ; địa chỉ: Tổ dân phố 6, phường T, thành phố Đ, tỉnh Đ; vắng mặt.
- Ông Lò Văn C; địa chỉ: Đội 11, xã T, huyện Đ, tỉnh Đ; vắng mặt.
- Ông Nguyễn Văn H; địa chỉ: Tổ dân phố 4, phường Th, thành phố Đ, tỉnh Đ; vắng mặt.
- Ông Hà Thanh Th; địa chỉ: Bản P, xã Th, huyện Đ, tỉnh Đ; vắng mặt.
- Bà Nguyễn Thị Ph; địa chỉ: Tổ dân phố 3, phường M, thành phố Đ, tỉnh Đ; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Khoảng 13 giờ 30 phút, ngày 27/9/2020, các bị cáo Nguyễn HT, Đinh Văn T, Lê Ngọc Th, Đặng ĐT, Nguyễn Văn V gặp nhau tại nhà của Bùi Duy K (*nhà do mẹ bị cáo K thuê, K đang quản lý*) thuộc tổ 02, phường Th, thành phố Đ. Các bị cáo xin K đánh bạc tại nhà K và được K đồng ý. 05 bị cáo vào một phòng trên tầng 2; tại đây T dùng 02 thanh gỗ, 01 ống sắt đục một quân tú lơ khơ có sẵn, làm thành 04 quân vị hình tròn có đường kính 1,5 cm có một mặt hoa văn màu đỏ, một mặt màu xanh. Lấy 01 bát và 01 đĩa sứ có sẵn để 05 bị cáo chơi xóc đĩa, cá cược chẵn, lẻ được thua bằng tiền, cụ thể như sau: ĐT cầm cái (*không hưởng lợi từ việc này*), cho 04 quân vị vào trong bát, đẩy đĩa lên và xóc, sau đó đặt xuống chiếu cho người chơi đặt chẵn lẻ, mỗi người chơi được đặt cược từ 50.000 đồng trở lên. Sau khi những người chơi đặt tiền, ĐT cân đối điều chỉnh để những người chơi đặt chẵn, lẻ cân bằng thì sẽ mở đĩa để xác định thắng, thua: Nếu có 2 quân vị cùng màu, hai quân vị khác màu hoặc cả bốn quân vị cùng màu thì bên đặt cược chẵn thắng, bên đặt cược lẻ thua. Nếu kết quả có ba quân vị cùng màu và một quân vị khác màu thì bên đặt cược lẻ thắng, bên đặt cược chẵn thua. Tỷ lệ được thua là: Bên thắng sẽ được tiền theo tỷ lệ 1:1 (*đặt một ăn một*) của bên thua, bên thua bị mất số tiền đặt cược. Đánh được 15 phút thì Phạm Ta D đến tham gia đánh cùng. K thu của 05 người gồm HT, T, V, Th, D mỗi người 300.000 đồng gọi là tiền hồ; ĐT cầm cái nên K không thu.

Thu tiền hồ xong, K đi Hà Nội và bảo Nông Trọng H (*khi đó đang ở nhà K*) là nếu có ai đến đánh bạc thì mở cửa, thu mỗi người 300.000 đồng, H đồng ý. Khoảng 14 giờ 30 phút lần lượt Trịnh Quốc Tb, Đàm Quang M, Phạm Hữu C đến tham gia đánh bạc; đến khoảng 15 giờ cùng ngày thì Tb, M đi về, sau đó có Lại Văn Ta và Nguyễn Văn S đến tham gia đánh bạc. K thu của 04 người Tb, M, C, Ta mỗi người 300.000 tiền hồ; chưa thu của S.

Đến khoảng 15 giờ 20 phút, ngày 27/9/2020, Công an tỉnh Điện Biên phát hiện nhóm đánh bạc, bắt quả tang, thu giữ T bộ vật chứng gồm: 39.800.000 đồng tiền các bị can sử dụng vào đánh bạc (*thu trên chiếu bạc 31.100.000 đồng và 8.700.000 đồng thu trên người các bị cáo*) trong đó: Cửa ĐT 1.700.000 đồng, T 10.700.000 đồng, HT 3.500.000 đồng, V 4.700.000 đồng, Th 2.200.000 đồng, D là 5.200.000 đồng, C 1.000.000 đồng, Lại Văn Ta 2.700.000 đồng, Nguyễn Văn S 650.000 đồng; số tiền Tb, M thua bạc là 7.450.000 đồng; 01 chiếc bát và 01 đĩa bằng sứ, 04 quân vị hình tròn, 02 thanh gỗ, 01 ống sắt các bị cáo dùng để đánh bạc. Số tiền 2.700.000 đồng tiền K, H thu của các bị cáo đến đánh bạc cũng đã bị thu giữ.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người làm chứng khai nhận hành vi chơi xóc đĩa được thua bằng tiền của mình như đã nêu trên.

2. Các vấn đề khác: Quá trình điều tra đã tạm giữ của các bị cáo một số tài sản, giấy tờ khác, nhưng những tài sản này không liên quan đến hành vi phạm tội, nên cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu.

3. Cáo trạng số 18/CT-VKSTPĐBP ngày 05/3/2021 truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ truy tố các bị cáo ĐT, T, HT, V, Th, D, C, Tb, M, Ta, S về tội "Đánh bạc", theo khoản 1 Điều 321 BLHS; truy tố các bị cáo K, H về tội "Gá bạc", theo điểm c khoản 1 Điều 322 BLHS.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố các bị cáo K, H phạm tội "Gá bạc". Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 và điểm a khoản 1 Điều 35 BLHS: Xử phạt bị cáo K từ 60.000.000 đồng đến 65.000.000 đồng, bị cáo H từ 50.000.000 đồng đến 55.000.000 đồng sung Ngân sách Nhà nước.

- Tuyên bố các bị cáo ĐT, T, HT, V, Th, D, C, Tb, M, Ta, S phạm tội "Đánh bạc":

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 và điểm a khoản 1 Điều 35 BLHS xử phạt bị cáo HT từ 28.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng sung Ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58 và điểm a khoản 1 Điều 35 BLHS: Xử phạt bị cáo Tb từ 26.000.000 đồng đến 28.000.000 đồng, bị cáo C từ 24.000.000 đồng đến 26.000.000 đồng sung Ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58 và điểm a khoản 1 Điều 35 BLHS:

- + Xử phạt các bị cáo ĐT, T, V, Th mỗi bị cáo từ 22.000.000 đồng đến 24.000.000 đồng sung Ngân sách Nhà nước.

- + Xử phạt các bị cáo D, M mỗi bị cáo từ 20.000.000 đồng đến 22.000.000 đồng sung Ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s, i khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17,

Điều 58 và điểm a khoản 1 Điều 35 BLHS: Xử phạt các bị cáo Ta, S mỗi bị cáo từ 20.000.000 đồng đến 22.000.000 đồng sung Ngân sách Nhà nước.

- Vật chứng: Sung công quỹ nhà nước số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc và tiền các bị cáo thu được từ việc gá bạc; các công cụ sử dụng vào việc đánh bạc hoặc dùng để làm ra công cụ đánh bạc tịch thu để hủy.

- Án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo nhất trí với quyết định truy tố và luận tội của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của các bị cáo trước khi HĐXX nghị án: Các bị cáo cùng có ý kiến: Các bị cáo đều nhận thức việc làm của mình là vi phạm pháp luật, nhưng do ham chơi nên đã phạm tội; xin Hội đồng xét xử phạt các bị cáo với mức thấp nhất để các bị cáo sớm thi hành được bản án.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi bị truy tố của các bị cáo:

Lời khai của các bị cáo, của người làm chứng trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với vật chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Có đủ căn cứ để xác định: Chiều ngày 27/9/2020 tại số nhà 40, tổ 02, phường Th, thành phố Đ, tỉnh Đ; các bị cáo ĐT, T, HT, V, Th, D, C, Tb, M, Ta, S có hành vi đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa, tính chẵn lẻ theo quy ước từ trước để xác định được, thua bằng tiền. Tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 39.800.000 đồng. Lúc đầu tham gia chơi chỉ có 05 bị cáo là HT, T, Th, ĐT và V; tiếp theo là các bị cáo D, Tb, M, C. Sau khi bị cáo Tb và M về, thì bị cáo Ta và S đến chơi cùng. Khi cả nhóm đang chơi thì bị phát hiện bắt quả tang thu giữ 39.800.000 đồng tiền dùng vào việc đánh bạc và các công cụ dùng vào việc đánh bạc. Bị cáo Tb và M đánh bạc với tổng số tiền 36.450.000 đồng, các bị cáo còn lại đánh bạc với tổng số tiền 39.800.000 đồng. Bị cáo K cho các bị cáo khác mượn nhà do mình quản lý để đánh bạc và đã thu được 2.700.000 đồng từ việc này; bị cáo H thu tiền giúp khi bị cáo K đi vắng.

Các bị cáo không có sự câu kết chặt chẽ, sự đồng phạm có tính chất giản đơn nên vụ án không có tính tổ chức, trong đó: 11 bị cáo cùng thực hiện hành vi đánh bạc; 02 bị cáo cùng thực hiện hành vi gá bạc thì bị cáo K có vai trò chính, bị cáo H là người giúp sức cho bị cáo K trong việc thu tiền những người đến đánh bạc.

Khoản 1 Điều 321 BLHS quy định: "*Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng...thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*".

Khoản 1 Điều 322 BLHS quy định: "*Người nào tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc trái phép thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000*

đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:...c) Tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trong cùng 01 lần trị giá 20.000.000 đồng trở lên”.

Hành vi của các bị cáo ĐT, T, HT, V, Th, D, C, Ta, S, Tb và M đủ yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc"; hành vi của các bị cáo K và H đủ yếu tố cấu thành tội "Gá bạc" theo các điều luật đã viện dẫn ở trên.

[2] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và hình phạt:

Các bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Ở nhóm tội "*Đánh bạc*" các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; ở nhóm tội "*Gá bạc*" các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng; nguyên nhân dẫn đến việc phạm tội là do các bị cáo ham lợi, thiếu ý thức chấp hành pháp luật. Các bị cáo đều thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo ĐT, T, V, Th, D, Ta, S, M phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; các bị cáo K và H đã ra đầu thú khi việc đánh bạc của các bị cáo khác bị phát hiện; các bị cáo HT, S và Ta có bố, mẹ được nhà nước tặng thưởng huân chương trong thời kỳ kháng chiến, nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tương ứng đối với mỗi bị cáo theo Điều 51 BLHS.

Trong nhóm tội "Đánh bạc", các bị cáo có vai trò và tính chất ngang nhau; tuy nhiên các bị cáo Tb, HT, C đã từng bị kết án, mặc dù đã được xóa án tích và được coi như chưa bị kết án theo Điều 69 BLHS, nhưng không được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "*Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*" nên phải chịu hình phạt cao hơn các bị cáo khác. Trong nhóm tội "Gá bạc" thì bị cáo K, H phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng theo điểm b khoản 1 Điều 9 BLHS; mặt khác bị cáo K đã từng bị kết án, mặc dù đã được xóa án tích nhưng các bị cáo này cũng không được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "*Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*" như đã phân tích ở trên; bị cáo K có vai trò chính, nên phải chịu hình phạt cao hơn bị cáo H.

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Hình phạt tiền và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 3 Điều 321 BLHS thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền; theo khoản 3 Điều 322 BLHS thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền hoặc tịch thu một phần hoặc T bộ tài sản. Tuy nhiên, hình phạt tiền đã được áp dụng là hình phạt chính, nhà cho mượn làm địa điểm đánh bạc là nhà đi thuê nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[4] Vật chứng và các vấn đề khác: Số bát, đĩa, quân vị, thanh gỗ, ống sắt là công cụ các bị cáo dùng để đánh bạc, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu để hủy; Số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc và tiền thu được từ việc cho mượn địa điểm đánh bạc tịch thu sung công quỹ nhà nước. Những tài sản, giấy tờ cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu theo quy định, HĐXX không đề cập giải quyết.

[5] Án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan Ta hành tố tụng, người Ta hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Ta hành tố tụng, người Ta hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố:

- Các bị cáo Bùi Duy K, Nông Trọng H phạm tội "Gá bạc".
- Các bị cáo Đặng ĐT, Đinh Văn T, Nguyễn HT, Nguyễn Văn V, Lê Ngọc Th, Phạm Ta D, Phạm Hữu C, Trịnh Quốc Tb, Đàm Quang M, Lại Văn Ta, Nguyễn Văn S phạm tội "Đánh bạc".

2. Hình phạt:

2.1 Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 và điểm a khoản 1 Điều 35 BLHS: Xử phạt bị cáo Bùi Duy K 60.000.000 đồng (*S mươi triệu đồng*); bị cáo Nông Trọng H 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) sung Ngân sách Nhà nước.

2.2 Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 và điểm a khoản 1 Điều 35 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn HT 28.000.000 đồng (*Hai mươi tám triệu đồng*) sung Ngân sách Nhà nước.

2.3 Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58 và điểm a khoản 1 Điều 35 BLHS: Xử phạt bị cáo Trịnh Quốc Tb 26.000.000 đồng (*Hai mươi S triệu đồng*); bị cáo Phạm Hữu C 24.000.000 đồng (*Hai mươi tư triệu đồng*) sung Ngân sách Nhà nước.

2.4 Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58 và điểm a khoản 1 Điều 35 BLHS:

- Xử phạt các bị cáo Đặng ĐT, Đinh Văn T, Nguyễn Văn V, Lê Ngọc Th mỗi bị cáo 22.000.000 đồng (*Hai mươi hai triệu đồng*) sung Ngân sách Nhà nước.

- Xử phạt các bị cáo Phạm Ta D, Đàm Quang M mỗi bị cáo 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*) sung Ngân sách Nhà nước.

2.5 Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s, i khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 và điểm a khoản 1 Điều 35 BLHS: Xử phạt các bị cáo Lại Văn Ta, Nguyễn Văn S mỗi bị cáo 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*) sung Ngân sách Nhà nước.

3. Nghĩa vụ chậm thi hành án: Áp dụng khoản 2 Điều 357 BLDS: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, cho đến khi thi hành xong hình phạt tiền, hàng tháng các bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS; khoản 1 và điểm a, b khoản 2 Điều 106 BLTTHS:

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước tổng số tiền 42.500.000 đồng (*Bốn mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng*); trong đó có 39.800.000 đồng tiền đánh bạc và 2.700.000 đồng tiền gá bạc.

- Tịch thu để hủy 01 chiếc bát và 01 đĩa bằng sứ, 04 quân vị hình tròn, 01 ống kim loại màu đen, một đoạn gỗ màu nâu có gắn một chiếc đinh và một đoạn gỗ màu vàng.

(Biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/3/2021 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ).

5. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, các bị cáo Bùi Duy K, Nông Trọng H, Đặng ĐT, Đinh Văn T, Nguyễn HT, Nguyễn Văn V, Lê Ngọc Th, Phạm Ta D, Phạm Hữu C, Trịnh Quốc Tb, Đàm Quang M, Lại Văn Ta, Nguyễn Văn S mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (05/4/2021).

7. Về thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì các bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Viện kiểm sát TP.ĐBP;
- Viện kiểm sát tỉnh ĐB;
- Cơ quan CSĐT công an TP.ĐBP;
- Cơ quan thi hành án hình sự;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- HS Thi hành án HS;
- Chi cục Thi hành án DSTPĐBP;
- TAND tỉnh ĐB;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Nhung

